



**HƯỚNG DẪN
LẬP KẾ HOẠCH AN TOÀN, VỆ SINH
LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ Y TẾ**

Hà Nội - 2025

MỤC LỤC

Trang

Danh mục các chữ viết tắt

I. Mục đích	1
II. Đối tượng, phạm vi áp dụng	1
III. Căn cứ pháp lý	1
IV. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch	2
V. Quy trình xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động	3
A. Tóm tắt quy trình xây dựng kế hoạch	3
B. Hướng dẫn chi tiết trình tự xây dựng kế hoạch	4
VI. Hướng dẫn nội dung kế hoạch	6
A. Nội dung kế hoạch	6
B. Phân công thực hiện công tác tự kiểm tra và báo cáo theo quy định	15
<i>Phụ lục: Mẫu kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động</i>	16
<i>Tài liệu tham khảo</i>	21

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ATLĐ	An toàn lao động
ATVSLĐ	An toàn vệ sinh lao động
BNN	Bệnh nghề nghiệp
Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
CSYT	Cơ sở y tế
TNLĐ	Tai nạn lao động
MTLĐ	Môi trường lao động
NVYT	Nhân viên y tế
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
YTLĐ	Y tế lao động

I. MỤC ĐÍCH

Hướng dẫn quy trình và nội dung kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) trong các cơ sở y tế bảo đảm tính phù hợp, khả thi, nhằm giúp các đơn vị triển khai đúng và đầy đủ các hoạt động về ATVSLĐ theo quy định hiện hành của pháp luật an toàn vệ sinh lao động.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng:

- Người sử dụng lao động
- Hội đồng ATVSLĐ của đơn vị
- Người lao động

2. Phạm vi áp dụng:

- Cơ sở y tế công lập và ngoài công lập
- Các doanh nghiệp sản xuất dược, vắc xin, sinh phẩm, trang thiết bị y tế.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật An toàn, Vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015:

- *Điểm a, khoản 2 Điều 7 Luật An toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) quy định* “Người sử dụng lao động có nghĩa vụ: Xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình cho người lao động và những người có liên quan; đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động”;

- *Khoản 2, Điều 9 Luật ATVSLĐ quy định:* “Quyền, trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong công tác an toàn, vệ sinh lao động: Tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tham gia xây dựng, hướng dẫn thực hiện, giám sát việc thực hiện kế hoạch, quy chế, nội quy và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cải thiện điều kiện lao động cho người lao động tại nơi làm việc; tham gia điều tra tai nạn lao động theo quy định của pháp luật”.

- *Khoản 1, Điều 10 Luật ATVSLĐ quy định:* “Quyền, trách nhiệm của công đoàn cơ sở trong công tác an toàn, vệ sinh lao động: Tham gia với người sử dụng lao động xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch, quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động”.

- *Điều 76 Luật ATVSLĐ quy định về việc Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động:*

1. Hằng năm, người sử dụng lao động phải xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động. Đối với các công việc phát sinh trong năm kế hoạch thì phải bổ sung nội dung phù hợp vào kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

2. Việc lập kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động phải được lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở và dựa trên các căn cứ sau đây:

a) Đánh giá rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; việc kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp;

b) Kết quả thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động năm trước;

c) Nhiệm vụ, phương hướng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tình hình lao động của năm kế hoạch;

d) Kiến nghị của người lao động, của tổ chức công đoàn và của đoàn thanh tra, đoàn kiểm tra.

3. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Biện pháp kỹ thuật an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ;

b) Biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động;

c) Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động;

d) Chăm sóc sức khỏe người lao động;

đ) Thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.

IV. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Việc lập kế hoạch an toàn vệ sinh lao động của đơn vị phải căn cứ vào quy định hiện hành của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và kết quả tự kiểm tra công tác ATVSLĐ của đơn vị; kiến nghị của người lao động và đoàn kiểm tra, thanh tra (nếu có).

2. Có sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình lập kế hoạch.

3. Đảm bảo tính phù hợp, khả thi, phân định rõ trách nhiệm, bố trí đủ nguồn lực cho việc thực hiện kế hoạch. Kinh phí tổ chức thực hiện kế hoạch được hạch toán vào chi phí trừ đi khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên đối với cơ quan hành

chính, đơn vị sự nghiệp không có hoạt động dịch vụ (Theo quy định tại Điều 21 Luật An toàn, vệ sinh lao động).

V. QUY TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

A. Tóm tắt quy trình xây dựng kế hoạch

TT	Trách nhiệm	Nội dung và trình tự công việc	Thời gian/căn cứ
1.	Thư ký Hội đồng ATVSLĐ (Phòng Tổ chức cán bộ hoặc Bộ phận an toàn, vệ sinh lao động đối với doanh nghiệp)	Dự thảo kế hoạch ATVSLĐ (theo mẫu tại Phụ lục 1) trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện công tác ATVSLĐ năm trước; kết quả tự kiểm tra ATVSLĐ; kiến nghị của người lao động, của tổ chức công đoàn; các văn bản kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền (đoàn thanh tra, kiểm tra); và đề xuất của các khoa/phòng/bộ phận của đơn vị.	Tháng 7 hằng năm cùng thời điểm lập kế hoạch công tác của đơn vị
2.	Thành viên Hội đồng ATVSLĐ	Góp ý cho Dự thảo kế hoạch ATVSLĐ	
3.	Khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng	Xin ý kiến người lao động tại các khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng về dự thảo kế hoạch ATVSLĐ	
4.	Thư ký Hội đồng ATVSLĐ	Tổng hợp và hoàn thiện kế hoạch trình thông qua Hội đồng ATVSLĐ	
5.	Hội đồng ATVSLĐ	Thông qua Dự thảo Kế hoạch ATVSLĐ	
6.	BCH Công đoàn cơ sở	Góp ý cho Dự thảo Kế hoạch ATVSLĐ	
7.	Người đứng đầu đơn vị	Phê duyệt Kế hoạch ATVSLĐ	Phê duyệt cùng thời gian với kế hoạch hoạt động hằng năm của đơn vị

TT	Trách nhiệm	Nội dung và trình tự công việc	Thời gian/căn cứ
8.	Hội đồng ATVSLĐ	Tổ chức thực hiện theo phân công trong kế hoạch ATVSLĐ	
9.	Chủ tịch Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động của đơn vị	Có văn bản giao nhiệm vụ, phân công cho các thành viên tham gia giám sát thực hiện kế hoạch ATVSLĐ.	
10.	Các thành viên Hội đồng ATVSLĐ được phân công	Giám sát, đánh giá theo phân công và gửi kết quả cho thư ký hội đồng để tổng hợp	Ít nhất 01 năm/lần hoặc đột xuất khi cần thiết
11.	Thư ký Hội đồng ATVSLĐ	Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ công tác ATVSLĐ cho Hội đồng ATVSLĐ và người đứng đầu đơn vị.	06 tháng/lần và đột xuất

B. Hướng dẫn chi tiết quy trình xây dựng kế hoạch

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch ATVSLĐ:

Hàng năm, cùng thời điểm lập kế hoạch công tác năm của đơn vị (thường là tháng 7), Thư ký Hội đồng ATVSLĐ xây dựng dự thảo kế hoạch ATVSLĐ (*theo mẫu tại Phụ lục*) dựa trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện công tác ATVSLĐ năm trước; kết quả tự kiểm tra ATVSLĐ; kiến nghị của người lao động, của tổ chức công đoàn; các văn bản kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền (đoàn thanh tra, kiểm tra nếu có) và đề xuất của các khoa/phòng/bộ phận của đơn vị.

2. Gửi xin ý kiến kế hoạch ATVSLĐ:

Thư ký Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động gửi dự thảo kế hoạch ATVSLĐ cho các thành viên trong Hội đồng ATVSLĐ để xin ý kiến góp ý, đồng thời gửi cho các khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng để xin ý kiến người lao động về dự thảo kế hoạch.

3. Tổng hợp và hoàn thiện kế hoạch ATVSLĐ:

Thư ký Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động hoàn thiện dự thảo kế hoạch ATVSLĐ trên cơ sở tổng hợp các ý kiến đóng góp của các thành viên trong Hội đồng ATVSLĐ và người lao động tại các khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng.

4. Thông qua dự thảo kế hoạch ATVSLĐ: Hội đồng ATVSLĐ tổ chức họp để thông qua dự thảo kế hoạch ATVSLĐ.

5. Xin ý kiến của BCH Công đoàn cơ sở về dự thảo kế hoạch ATVSLĐ:

Sau khi Hội đồng ATVSLĐ thông qua dự thảo kế hoạch ATVSLĐ, Thư ký Hội đồng ATVSLĐ gửi dự thảo kế hoạch ATVSLĐ cho Ban chấp hành Công đoàn cơ sở để xin ý kiến.

6. *Phê duyệt kế hoạch ATVSLĐ:*

Thư ký Hội đồng ATVSLĐ hoàn thiện dự thảo kế hoạch ATVSLĐ và trình cho người đứng đầu đơn vị để phê duyệt kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đồng thời với kế hoạch công tác năm.

7. *Tổ chức thực hiện kế hoạch ATVSLĐ:*

Hội đồng ATVSLĐ tổ chức thực hiện theo phân công trong kế hoạch ATVSLĐ đã được người đứng đầu đơn vị phê duyệt.

- Chủ tịch Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động của đơn vị: có văn bản giao nhiệm vụ, phân công cho các thành viên Hội đồng tham gia giám sát thực hiện kế hoạch ATVSLĐ.

- Các thành viên Hội đồng ATVSLĐ: tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá triển khai thực hiện công tác ATVSLĐ theo phân công ít nhất 06 tháng/lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu và gửi kết quả cho Thư ký Hội đồng để tổng hợp.

- Thư ký Hội đồng ATVSLĐ: báo cáo kết quả thực hiện định kỳ công tác ATVSLĐ 06 tháng/ lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho Hội đồng ATVSLĐ và người đứng đầu đơn vị trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các thành viên trong Hội đồng ATVSLĐ.

VI. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG KẾ HOẠCH

A. Nội dung kế hoạch

6.1. Nội dung 1: Các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ

a/ Kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (*quy định tại Khoản 1,2,7 Điều 16 Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; thời gian kiểm định định kỳ theo quy định tại Thông tư 54/2016/TT-BLĐTBXH*).

- Các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ thường gặp trong ngành y tế như: Nồi hấp áp lực, nồi hơi, hệ thống đường ống dẫn hơi nước, thang nâng hàng, hệ thống thang máy điện chở người, hệ thống đường dẫn khí y tế, hệ thống khí nén y tế, bồn oxy lỏng, các chai khí nén như oxy, nitơ): *Thống kê chủng loại, dự toán kinh phí.*

Lưu ý:

- Đơn vị thực hiện kiểm định: là tổ chức được Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cấp phép và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ LĐTBXH.

- Thời gian kiểm định định kỳ: Mỗi loại máy, thiết bị, vật tư sẽ có thời gian kiểm định định kỳ khác nhau tùy thuộc vào thời gian sử dụng của máy, thiết bị, vật tư (*theo quy định tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH*).

b/ Các giá đề nguyên vật liệu, thành phẩm, bình ôxy: *thống kê số lượng, dự toán kinh phí.*

c/ Chế tạo, sửa chữa, mua sắm các thiết bị, bộ phận, dụng cụ nhằm mục đích che, chắn, hãm, đóng, mở các máy, thiết bị, bộ phận, công trình, khu vực nguy hiểm, có nguy cơ gây sự cố, tai nạn lao động trong cơ sở y tế (*nếu đơn vị có bộ phận cơ khí*): *thống kê các chủng loại cần mua hay sửa chữa, dự toán kinh phí.*

d/ Hệ thống chống sét, chống rò điện, thiết bị đảm bảo an toàn điện: *thời gian thực hiện, dự toán kinh phí*

e/ Mua sắm, trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy: *thống kê chủng loại cần mua, dự toán kinh phí.*

g/ Giải quyết những tồn tại, hạn chế mà các đoàn thanh tra, kiểm tra kiến nghị đơn vị khắc phục (*nếu có*).

6.2. Nội dung 2: Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động phòng chống yếu tố có hại, cải thiện điều kiện lao động.

a/ Lập và cập nhật hồ sơ vệ sinh môi trường lao động theo quy định tại Mẫu 1 Phụ lục I Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATVSLĐ.

Lưu ý: Bổ sung cập nhật Hồ sơ vệ sinh môi trường lao động trong các trường hợp sau (*theo quy định tại Khoản 4, Điều 35, Nghị định số 44/2018/NĐ-CP*):

- Có thay đổi về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất hoặc khi thực hiện cải tạo, nâng cấp cơ sở lao động mà có nguy cơ phát sinh yếu tố nguy hại mới đối với sức khỏe người lao động.

- Tổ chức quan trắc môi trường lao động đề xuất bổ sung khi thực hiện quan trắc môi trường lao động.

- Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b/ Tổ chức quan trắc môi trường lao động.

- Tần suất thực hiện quan trắc môi trường lao động: Người sử dụng lao động phải lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại ít nhất 01 năm/lần (*Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 39/2016/NĐ-CP*).

- Lưu ý:

- + Phôi hợp với tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động xây dựng kế hoạch quan trắc môi trường lao động: *thời gian thực hiện, số mẫu và kinh phí.*

- + Danh sách các đơn vị đã công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và Cục Quản lý Môi trường y tế.

- + Khi thực hiện quan trắc môi trường lao động tại các cơ sở y tế cần lưu ý đánh giá các yếu tố có hại thường gặp như: yếu tố tâm sinh lý lao động và ergonomi, yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp (yếu tố vi sinh vật, yếu tố gây dị ứng mẫn cảm, dung môi, hóa chất độc hại,...) (*Điều 35, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ*).

- Công bố kết quả và báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định (*Mẫu 04, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP*).

c/ Lắp đặt các quạt thông gió, hệ thống hút bụi, hút hơi khí độc; thiết kế hệ thống thông gió phòng chống lây nhiễm (*Khoa xét nghiệm, khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, khoa giải phẫu bệnh...*): *số lượng cần mua, cần sửa chữa; dự toán kinh phí.*

d/ Trang bị thiết bị hỗ trợ nâng nhấc, vận chuyển bệnh nhân, vận chuyển mẫu xét nghiệm/thuốc/trang thiết bị y tế: *số thiết bị cần mua, dự toán kinh phí.*

e/ Nâng cấp, cải tạo các khoa, phòng, bộ phận, nhà xưởng bảo đảm thông thoáng, chống nóng, chống ồn, giảm thiểu các yếu tố có hại, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường làm việc theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động: *thống kê số lượng các khoa, phòng cần nâng cấp, sửa chữa; dự toán kinh phí.*

- Bố trí các phòng áp lực âm (*khoa/phòng điều trị bệnh truyền nhiễm, phòng cách ly*).

g/ Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao sức khỏe cho người lao động như phòng thể chất; xây dựng, cải tạo công trình vệ sinh (*khu vực rửa tay, nhà vệ sinh, nhà tắm*): *số lượng thiết bị cần mua, sửa chữa, dự toán kinh phí*.

Số lượng công trình vệ sinh phúc lợi quy định tại *Phụ lục 1 Thông tư 19/2016/T-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế* về hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

h/ Thực hiện quản lý chất thải y tế (lây nhiễm, không lây nhiễm, chất thải sinh hoạt): số lượng cần mua như thùng rác, túi rác, xe vận chuyển chất thải y tế... (*Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế*).

i/ Lập kế hoạch, bố trí nhân lực và kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện phòng, chống dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao tại các cơ sở y tế (*tham khảo hướng dẫn tại Quyết định số 838/QĐ-BYT ngày 05/4/2022 ban hành hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động cho nhân viên y tế trong phòng, chống dịch COVID-19*)

k/ Xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động vệ sinh làm sạch, đảm bảo đơn vị đạt các tiêu chí về xanh - sạch - đẹp (*tham khảo hướng dẫn tại Quyết định số 5959/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành “Bộ tiêu chí cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp”*).

l/ Vận hành hệ thống xử lý nước thải liên tục, tổ chức bảo trì bảo dưỡng định kỳ theo quy định, quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý.

m/ Giải quyết tồn tại, hạn chế mà các đoàn thanh tra, kiểm tra kiến nghị đơn vị khắc phục (*nếu có*).

6.3. Nội dung 3: Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

a) *Rà soát danh mục, chủng loại trang thiết bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động:*

- Người sử dụng lao động lập danh mục và trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại quy định tại *Mục XXVIII, Phụ lục I, Thông tư 25/2022/TT-BLĐTBXH* quy định về trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân.

- Ngoài việc lập danh mục theo quy định tại *Mục XXVIII, Phụ lục I, Thông tư 25/2022/TT-BLĐTBXH*, người sử dụng lao động chủ động xây dựng danh mục và trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo từng vị trí làm việc đặc thù để bảo đảm an toàn, sức khỏe cho người lao động trong những trường

hợp sau đây:

+ Các nghề, công việc chưa quy định tại *Mục XXVIII, Phụ lục I, Thông tư 25/2022/TT-BLĐTBXH* mà người sử dụng lao động xét thấy có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại không bảo đảm an toàn sức khỏe cho người lao động.

+ Các nghề, công việc được quy định tại *Mục XXVIII, Phụ lục I, Thông tư 25/2022/TT-BLĐTBXH* nhưng cần bổ sung danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân để bảo đảm ngăn ngừa có hiệu quả các tác hại của các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trong môi trường lao động.

- Theo đề xuất của các khoa, phòng đối với phương tiện bảo vệ cá nhân đặc thù cho nhân viên y tế: Bác sĩ, điều dưỡng, dược sĩ; sử dụng hoặc tiếp xúc với hóa chất, tia phóng xạ; làm việc trong phòng thí nghiệm, sinh học, hoá dược; Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, phục vụ, chăm sóc, trợ giúp người bị HIV/AIDS, phong, lao, tâm thần; rửa chai lọ, xử lý bệnh phẩm; giải phẫu vi thể, kiểm nghiệm chất độc; phục vụ nhà xác... hoặc các bộ phận khác như khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, bộ phận sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị.

b) Số lượng và thời hạn sử dụng:

- Thống kê số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động đang sử dụng, có cần thêm hay bớt không.

- Người sử dụng lao động tham khảo ý kiến ban chấp hành công đoàn cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng và số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động (*Khoản 4, Điều 8, Thông tư 25/2022/TT-BLĐTBXH*).

c) Chất lượng: Lựa chọn phương tiện bảo vệ cá nhân đáp ứng các QCVN, TCVN, thuận tiện, an toàn trong quá trình sử dụng.

6.4. Nội dung 4: Chăm sóc sức khỏe người lao động

a) Khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc:

- Xác định số người lao động cần khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc hoặc trước khi chuyển sang làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hơn hoặc sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã phục hồi sức khỏe (*Mục XV Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH*).

- Xây dựng kế hoạch và liên hệ với các tổ chức, đơn vị đã được cấp phép khám điều trị bệnh nghề nghiệp (danh sách được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và Cục Quản lý Môi trường y tế): *nội dung khám và thời gian tổ chức, dự toán kinh phí.*

- Lưu ý:

+ Giấy chứng nhận sức khỏe đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường (lao động loại 1,2,3) theo *Mẫu số 1, Phụ lục số XXIV, Thông tư số 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế* quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

+ Phiếu khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc đối với người làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại nguy hiểm theo *Mẫu tại Phụ lục 2, Thông tư số 28/2016/ TT-BYT hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp*).

b) Tổ chức khám sức khỏe định kỳ:

- Xác định số người thuộc đối tượng khám sức khỏe định kỳ 01 năm/ lần và 06 tháng/lần:

+ Theo quy định tại *khoản 1 điều 21, Luật ATVSLĐ*: Hàng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất 1 lần cho người lao động. Đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng/ lần.

- Xây dựng kế hoạch và liên hệ với các tổ chức, đơn vị đã công bố đủ điều kiện khám sức khỏe định kỳ tại Sở Y tế các tỉnh/thành phố (danh sách được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế các tỉnh/thành phố hoặc trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế): *nội dung khám và thời gian tổ chức, dự toán kinh phí.*

- Mẫu số khám sức khỏe định kỳ quy định tại *Mẫu 3, Phụ lục số XXIV, Thông tư số 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế* quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

c) Tổ chức khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp

- Đối tượng và thời gian khám:

+ Xác định số người lao động cần khám bệnh nghề nghiệp là người lao động tiếp xúc với yếu tố có hại có khả năng mắc bệnh nghề nghiệp hoặc làm các nghề, công việc có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp và nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm kể cả người học nghề, tập nghề (*theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp*).

+ Thời gian khám: 06 tháng/lần.

- Xây dựng kế hoạch và liên hệ với các tổ chức, đơn vị đã được cấp phép khám, điều trị bệnh nghề nghiệp (danh sách được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và Cục Quản lý Môi trường y tế): *nội dung khám và thời gian tổ chức, dự toán kinh phí.*

- Lưu ý tập trung vào các bệnh nghề nghiệp thường gặp trong cơ sở y tế như: bệnh lao nghề nghiệp, viêm gan vi rút B nghề nghiệp, viêm gan vi rút C nghề nghiệp, bệnh phóng xạ nghề nghiệp, bệnh nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp, bệnh COVID-19 nghề nghiệp,...

d) Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người mắc bệnh nghề nghiệp (khoản 1,2 điều 11, Thông tư số 28/2016/TT-BYT).

- Áp dụng trong trường hợp có người lao động đã bị mắc bệnh nghề nghiệp.

- Thời gian và nội dung khám của từng bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Phụ lục 6, Thông tư số 28/2016/TT-BYT.

- Xây dựng kế hoạch và liên hệ với các tổ chức, đơn vị đã được cấp phép khám điều trị bệnh nghề nghiệp (*danh sách được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và Cục Quản lý Môi trường y tế*): nội dung khám và thời gian tổ chức, dự toán kinh phí.

đ) Bố trí vị trí làm việc phù hợp với sức khỏe người lao động, nhân viên y tế.

e) Bồi dưỡng bằng hiện vật:

Căn cứ các văn bản sau để xác định đối tượng hưởng, số lượng người được hưởng, mức hưởng bồi dưỡng bằng hiện vật:

- Mục XV, Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH về Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

- Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, có hại.

- Báo cáo kết quả quan trắc môi trường lao động của đơn vị.

g) Chế độ phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức:

Thông tư 07/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức.

h) Điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động:

- Tổ chức điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động là người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp kể cả người có sức khỏe yếu nếu đơn vị có điều kiện về kinh phí: *số lượng bao nhiêu, dự toán kinh phí.*

- Tổ chức các hoạt động nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc cho người lao động (tập thể thao, thư giãn, yoga, vv...).

i) Tổ chức tiêm vắc xin phòng bệnh (Viêm gan B, cúm, COVID-19,...): Số lượng người lao động, loại vắc xin, dự trù kinh phí.

6.5. Nội dung 5: Tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về ATVSLĐ

6.5.1. Tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho các nhóm đối tượng (nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4, nhóm 5 và nhóm 6):

a) Việc huấn luyện phải được thực hiện bởi các tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hoặc công bố tự huấn luyện ATVSLĐ. *Danh sách các đơn vị đủ điều kiện huấn luyện được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cục An toàn lao động, Bộ LĐTBXH.*

b) Thông kê số nhóm người lao động phải huấn luyện, số lượng người lao động của từng nhóm để dự trù kinh phí và dự kiến thời gian tổ chức huấn luyện (căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP; Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH quy định công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động). Cụ thể theo các nhóm:

* **Nhóm 1:** Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động:

- Đối tượng:

+ Người đứng đầu đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; phụ trách bộ phận sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật; quản đốc phân xưởng hoặc tương đương;

+ Cấp phó của người đứng đầu được giao nhiệm vụ phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Thời gian huấn luyện:

+ Lần đầu: ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

+ Định kỳ: bằng 50% thời gian huấn luyện lần đầu.

+ Huấn luyện cập nhật liên thức, kỹ năng an toàn vệ sinh lao động: ít nhất 02 năm/ lần.

* **Nhóm 2:** Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động:

- Đối tượng:

+ Chuyên trách, bán chuyên trách về an toàn, vệ sinh lao động của cơ sở;

+ Người trực tiếp giám sát về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

- Thời gian huấn luyện:

+ Lần đầu: ít nhất là 48 giờ, bao gồm cả thời gian huấn luyện lý thuyết, thực hành và kiểm tra.

+ Định kỳ: bằng 50% thời gian huấn luyện lần đầu.

+ Huấn luyện cập nhật liên thức, kỹ năng an toàn vệ sinh lao động: ít nhất 02 năm/ lần.

***Nhóm 3:** Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong ngành y tế.

- Đối tượng: Người lao động làm các công việc quy định tại Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động *ban hành tại Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội*, bao gồm:

+ Danh mục số (1): Chế tạo, lắp ráp, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, tháo dỡ, kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, giám sát hoạt động máy, thiết bị thuộc Danh mục máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn, vệ sinh lao động do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành tại *Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019*.

+ Danh mục số (9): Công việc tiếp xúc bức xạ ion hóa, phóng xạ, hạt nhân; vận hành máy soi, chiếu, chụp có sử dụng bức xạ hạt nhân, điện từ trường.

+ Danh mục số (22): Khám, chữa bệnh; chăm sóc người khuyết tật, người bệnh; giải phẫu bệnh, giám định pháp y, xét nghiệm vi sinh vật; các công việc trong lĩnh vực dược phẩm.

- Thời gian huấn luyện:

+ Lần đầu: ít nhất là 24 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

+ Định kỳ: bằng 50% thời gian huấn luyện lần đầu

+ Huấn luyện cập nhật liên thức, kỹ năng an toàn vệ sinh lao động: ít nhất 02 năm/ lần.

Người sử dụng lao động phải cấp thẻ an toàn cho người lao động đã hoàn thành thời gian huấn luyện theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 06 Phụ lục 2 Nghị định 44/2016/NĐ-CP.

***Nhóm 4:** Người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3, 5.

- Đối tượng: Người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3, 5 bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.

- Thời gian huấn luyện:

+ Lần đầu: ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

+ Định kỳ: bằng 50% thời gian huấn luyện lần đầu

+ Huấn luyện cập nhật liên thức, kỹ năng an toàn vệ sinh lao động: ít nhất 01 năm/ lần.

***Nhóm 5:** Người làm công tác y tế.

- Đối tượng: Người làm công tác y tế

- Thời gian huấn luyện:

- + Lần đầu: ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.
- + Định kỳ: bằng 50% thời gian huấn luyện lần đầu.
- + Huấn luyện cập nhật liên thức, kỹ năng an toàn vệ sinh lao động: ít nhất 02 năm/ lần.

***Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên**

- Đối tượng: An toàn, vệ sinh viên

Theo quy định tại Điều 74 Luật ATVSLĐ, “An toàn vệ sinh viên” là người lao động trực tiếp, am hiểu chuyên môn và kỹ thuật ATVSLĐ; tự nguyện và gương mẫu trong việc chấp hành các quy định ATVSLĐ và được người lao động trong khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng bầu ra.

- Thời gian huấn luyện:

- + Lần đầu: ít nhất là 04 giờ ngoài nội dung đã được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.
- + Định kỳ: bằng 50% thời gian huấn luyện lần đầu.
- + Huấn luyện cập nhật liên thức, kỹ năng an toàn vệ sinh lao động: ít nhất 02 năm/ lần.

*** Quy định khác về huấn luyện:**

Huấn luyện khi có sự thay đổi công việc, thay đổi về thiết bị, công nghệ và huấn luyện sau thời gian nghỉ làm việc (*theo quy định tại khoản 3, Điều 21, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP*).

6.5.2. Đào tạo cấp Chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động cho người làm công tác y tế tại cơ sở sản xuất, kinh doanh

+ Người làm công tác y tế ở cơ sở phải có chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động theo quy định tại *khoản 4, Điều 73 Luật ATVSLĐ và Thông tư số 29/2021/TT-BYT ngày 24/12/2021 về hướng dẫn hoạt động đào tạo chuyên môn về y tế lao động*.

+ Người làm công tác y tế được người sử dụng lao động bố trí thời gian tham gia các cuộc họp, hội nghị và giao dịch với cơ quan y tế địa phương hoặc y tế bộ, ngành để nâng cao nghiệp vụ và phối hợp công tác (*Điểm c, khoản 3, Điều 73, Luật ATVSLĐ*).

6.5.3. Tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động:

Các hình thức truyền thông:

- Pa nô, áp phích, vẽ tranh, mua tài liệu, tạp chí an toàn, vệ sinh lao động, qua hệ thống thông tin đại chúng, mạng xã hội, website điện tử,... với nội dung phù hợp với cơ sở y tế: *dự kiến số lượng cần mua, chủng loại, dự toán kinh phí*.

- Phát các bản tin về an toàn - vệ sinh lao động trên các phương tiện truyền thông của cơ sở y tế (*Xây dựng bản tin và phổ biến bằng các hình thức phù hợp trong nội bộ đơn vị*): tần suất phát, dự toán kinh phí.

B. Phân công thực hiện công tác tự kiểm tra và báo cáo theo quy định.

- Người đứng đầu đơn vị phê duyệt kế hoạch tự kiểm tra và phân công người thực hiện tự kiểm tra công tác ATVSLĐ tại đơn vị (*Tham khảo tài liệu hướng dẫn tự kiểm tra công tác ATVSLĐ trong các cơ sở y tế*).

- Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện ATVSLĐ định kỳ 6 tháng/ lần hoặc đột xuất theo yêu cầu cho Hội đồng ATVSLĐ và người đứng đầu đơn vị theo phân công trong kế hoạch ATVSLĐ hàng năm.

Phụ lục.**MẪU KẾ HOẠCH AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG CỦA CƠ SỞ Y TẾ****Tên đơn vị****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày...tháng...năm.....

KẾ HOẠCH**AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TẠI****NĂM****I. Mục tiêu:**

Kế hoạch An toàn, vệ sinh lao động năm..... của... (*tên đơn vị*) xây dựng nhằm đảm bảo tính phù hợp, khả thi, rõ phân công trách nhiệm, nguồn lực và thời gian thực hiện để đảm bảo triển khai tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

II. Đối tượng và phạm vi áp dụng:**1. Đối tượng:**

- Toàn thể người lao động của đơn vị
- Khoa, phòng, bộ phận, phân xưởng
- Hội đồng ATVSLĐ của đơn vị.

2. Phạm vi áp dụng: Tại đơn vị**III. Căn cứ xây dựng kế hoạch ATVSLĐ:**

1.
2.
3.

IV. Nội dung kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động:**3.1. Nội dung chi tiết kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động**

a/ Nội dung 1: Các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ

.....

.....

.....

b/ Nội dung 2: Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động phòng chống độc hại, cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ môi trường.

.....

.....

3. *Nội dung 3:* Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động

.....

.....

.....

4. *Nội dung 4:* Chăm sóc sức khỏe người lao động

.....

.....

.....

5. *Nội dung 5:* Tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về ATVSLĐ

.....

.....

.....

3.2. *Nội dung tự kiểm tra và báo cáo*

.....

.....

.....

3.3. *Bảng tóm tắt thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động*

TT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian hoàn thành	Biện pháp (Giải pháp)	Kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A. NỘI DUNG KẾ HOẠCH					
I. Thực hiện các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ					
1.	Kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.				
2.	Các giá đỡ nguyên vật liệu, thành phẩm (nếu có)				
3.	Chế tạo, sửa chữa, mua sắm các thiết bị, dụng cụ nhằm mục đích che, chắn, hãm, đóng, mở các máy, thiết bị, bộ phận, công trình, khu vực nguy hiểm, có nguy cơ gây sự cố, tai nạn lao động.				
4.	Hệ thống chống sét, chống rò điện.				

TT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian hoàn thành	Biện pháp (Giải pháp)	Kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5.	Mua sắm, sản xuất các thiết bị, trang bị phòng cháy chữa cháy.				
6.	Những nội dung khác do các đoàn thanh tra, kiểm tra kiến nghị				
II. Thực hiện các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động phòng chống độc hại, cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ môi trường					
1.	Lập và cập nhật hồ sơ vệ sinh môi trường lao động				
2.	Tổ chức quan trắc môi trường lao động				
3.	Lắp đặt các quạt thông gió, hệ thống hút bụi, hút hơi khí độc.				
4.	Trang thiết bị hỗ trợ nâng nhấc, vận chuyển bệnh nhân, vận chuyển mẫu xét nghiệm/thuốc/trang thiết bị y tế...				
5.	Nâng cấp, hoàn thiện làm cho các khoa, phòng, bộ phận, nhà xưởng thông thoáng, chống nóng, ồn và các yếu tố độc hại lan truyền, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường.				
	Bố trí phòng áp lực âm (<i>khoa/phòng điều trị bệnh truyền nhiễm, phòng cách ly</i>)				
4.	Xây dựng, cải tạo nhà thể chất, nhà vệ sinh, nhà tắm...				
5.	Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao sức khỏe cho người lao động: phòng thể chất, xây dựng và cải tạo công trình vệ sinh.				
6.	Thực hiện quản lý các chất thải bệnh viện (lây nhiễm, không lây nhiễm, chất thải sinh hoạt)				
7.	Lập kế hoạch, bố trí nhân lực và kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện phòng, chống dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao tại cơ sở y tế.				
8.	Xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động vệ sinh làm sạch, đảm bảo đơn vị đạt tiêu chí “Xanh-Sạch-Đẹp”.				

TT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian hoàn thành	Biện pháp (Giải pháp)	Kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
9.	Vận hành hệ thống xử lý nước thải liên tục, tổ chức bảo trì bảo dưỡng định kỳ theo quy định, quan trắc chất lượng nước thải trong xử lý.				
10.	Những nội dung khác do các đoàn thanh tra, kiểm tra kiến nghị.				
III. Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động					
1.	Áo công tác; khẩu trang, quần áo chống khuẩn; quần áo chống phóng xạ, liều xạ kế cá nhân, nút tai chống ồn				
2.	Các trang thiết bị phòng chống các bệnh lây nhiễm				
3.	Các trang thiết bị khác phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.				
IV. Chăm sóc sức khỏe người lao động					
1.	Khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc				
2.	Khám sức khỏe định kỳ.				
3.	Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.				
4.	Khám định kỳ bệnh nghề nghiệp.				
5.	Tổ chức khám giám định các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp, Covid-19 nghề nghiệp.				
6.	Bồi dưỡng bằng hiện vật.				
7.	Điều dưỡng và phục hồi chức năng cho người lao động. Tổ chức các hoạt động nâng cao sức khỏe cho nhân viên y tế tại nơi làm việc (<i>tập thể dục, thư giãn, yoga, vv</i>).				
8.	Tổ chức tiêm vắc xin phòng bệnh (<i>Viêm gan B, lao, COVID-19, cúm...</i>).				
V. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động					
1.	Tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động, người lao động.				
2.	Tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động:				

TT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian hoàn thành	Biện pháp (Giải pháp)	Kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.1	Làm pa nô, áp phích, tranh an toàn lao động, mua tài liệu, tạp chí an toàn, vệ sinh lao động trong ngành y tế				
2.2	Phát các bản tin về an toàn, vệ sinh lao động trên các phương tiện truyền thông của cơ sở y tế.				
B	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC TỰ KIỂM TRA VÀ BÁO CÁO THEO QUY ĐỊNH				
1.	Công tác tự kiểm tra				
2.	Công tác báo cáo				

T/M HỘI ĐỒNG ATVSLĐ
(Ký tên)

Ngày.....tháng..... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH3 ngày 25/6/2015;
2. Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.
3. Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật AT, VSLĐ về hoạt động kiểm định kỹ thuật ATLĐ, huấn luyện AT, VSLĐ & quan trắc MTLĐ;
4. Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
5. Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 16/02/2022 của Chính phủ về Chương trình quốc gia về an toàn vệ sinh lao động của Bộ Y tế.
6. Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới.
7. Thông tư số 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
8. Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội
9. Thông tư số 02/2023/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội.
10. Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ LĐTBXH Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;
11. Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ LĐTBXH ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
12. Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế
13. Thông tư số 18/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.
14. Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn công tác quản lý vệ sinh lao động.

15. Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.

16. Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

17. Thông tư số 28/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp;

18. Thông tư số 29/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động.

19. Thông tư số 29/2021/TT-BYT ngày 24/12/2021 về hướng dẫn đào tạo chuyên môn y tế lao động.

20. Quyết định 3079/QĐ-BYT, ngày 21 tháng 8 năm 2008 của BYT “Qui chế tổ chức và hoạt động của hệ thống làm công tác bảo hộ lao động trong các cơ sở y tế”.

21. Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 ban hành Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030.

22. Quyết định số 838/QĐ-BYT ngày 05/4/2022 về hướng dẫn công tác an toàn vệ sinh lao động cho nhân viên y tế trong phòng chống COVID-19.

23. Niên giám thống kê y tế năm 2019-2020 của Bộ Y tế.